

Khám phá mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và ý định khởi nghiệp của sinh viên - Vai trò trung gian của định hướng khởi nghiệp

Exploring the relationship between perceived behavioral control and entrepreneurial intention of students -

The mediating role of entrepreneurial orientation

Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên^{1,2*}, Trần Yến Hào³, Lâm Quốc Bảo³

¹Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

³Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: quyennlhtt@ueh.edu.vn

THÔNG TIN

TÓM TẮT

DOI:10.46223/HCMCOUJS.
econ.vi.19.12.3378.2024

Ngày nhận: 14/04/2024

Ngày nhận lại: 03/06/2024

Duyệt đăng: 05/06/2024

Mã phân loại JEL:

L26; M13; J24

Từ khóa:

định hướng khởi nghiệp;
nhận thức kiểm soát hành vi;
PLS-SEM; sinh viên; Việt
Nam; ý định khởi nghiệp

Keywords:

entrepreneurial orientation;
perceived behavioral control;
PLS-SEM; students; Vietnam;
entrepreneurial intention

Doanh nghiệp khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Tuy nhiên, thực trạng khởi nghiệp của Việt Nam đang gặp vấn đề rất lớn trong việc duy trì và vận hành doanh nghiệp sau khi thành lập. Nguyên nhân xuất phát từ ý định khởi nghiệp chưa được duy trì hiệu quả. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu là dựa vào lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) để tìm hiểu vai trò của nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) và định hướng khởi nghiệp (EO) trong việc củng cố ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên đại học. Phương pháp định lượng được áp dụng dựa trên việc sử dụng kỹ thuật PLS-SEM để phân tích bộ dữ liệu sơ cấp bao gồm 371 quan sát được thu thập thông qua chiến lược chọn mẫu thuận tiện. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng về tác động của PBC đối với EI thông qua vai trò trung gian của EO. Bên cạnh đó, kết quả này bổ sung vào khung phân tích lý thuyết ý định hành vi khởi nghiệp và khẳng định tính chất quan trọng của EO trong việc củng cố nhận thức cá nhân về năng lực bản thân. Các phân tích về kết quả này mang đến hiểu biết sâu hơn về cách mà sinh viên chủ động phát triển tư duy và củng cố sự hiểu biết về khả năng kiểm soát hành vi khởi nghiệp.

ABSTRACT

Entrepreneurs play a crucial role in the economic growth of a country. However, the current situation of entrepreneurship in Vietnam is facing significant challenges in maintaining and operating businesses after its establishment. The root cause lies in the ineffective sustainability of entrepreneurial intentions. Therefore, the objective of the study is to explore the role of Perceived Behavioral Control (PBC) and Entrepreneurial Orientation (EO) in strengthening the Entrepreneurial Intentions (EI) of students based on the Theory of Planned Behavior (TPB). Applying the convenience sampling method, the study collected 371 valid responses. A Partial Least Squares-Structural Equation

Modeling (PLS-SEM) approach is applied to the EI model. The research findings demonstrate the impact of PBC on EI through the mediating role of EO. Additionally, this result contributes to the theoretical framework of entrepreneurial intention and affirms the importance of EO in strengthening individuals' self-efficacy perceptions. These analyses provide deeper insights into how students actively develop their mindset and reinforce their understanding of entrepreneurial behavioral control abilities.

1. Giới thiệu

Lựa chọn con đường nghề nghiệp của một cá nhân về cơ bản có thể chia thành hai hướng chính (Ephrem & Murimbika, 2023), bao gồm: i) tham gia thị trường lao động thông qua các công việc được trả lương (Tran & Nguyen, 2022), ii) tự sở hữu và vận hành một mô hình kinh doanh để tạo ra thu nhập cho bản thân, hay còn gọi là khởi nghiệp (Aggarwal & Shrivastava, 2021; Shetty, Fitzsimmons, & Anand, 2023). Khi đầu tư cho khởi nghiệp tại các quốc gia trở thành xu hướng, khởi nghiệp dần trở nên hấp dẫn và mong muốn trở thành doanh nhân đang trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết (Faria, Ogura, Prado, & Boudreaux, 2023). Việt Nam cũng không là trường hợp ngoại lệ. Số lượng doanh nghiệp đăng ký mới tại Việt Nam tăng mạnh mẽ, đơn cử như năm 2023 có 159,294 doanh nghiệp gia nhập thị trường (tăng 7.2% so với năm 2022) (General Statistics Office of Vietnam (GSO), 2024). Các doanh nghiệp đăng ký mới này đã mang lại hàng triệu việc làm mới cùng số vốn đầu tư lên đến hơn 1.5 triệu tỷ đồng (General Statistics Office of Vietnam (GSO), 2024). Do đó có thể thấy được tầm quan trọng của doanh nghiệp khởi nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế quốc gia (Messono & Asongu, 2023).

Tuy nhiên, thống kê của General Statistics Office of Vietnam (GSO) (2024) cũng cho thấy có đến 172,600 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong năm 2023. Con số này cho thấy thực trạng khởi nghiệp của Việt Nam đang gặp vấn đề rất lớn trong việc duy trì và vận hành doanh nghiệp sau khi thành lập. Theo Bozward và cộng sự (2023), doanh nghiệp sở hữu vòng đời ngắn hạn là vì ý định khởi nghiệp của bản thân doanh nhân không đủ bền vững. Nói cách khác, hành vi khởi nghiệp cần được duy trì một cách hiệu quả và lâu dài bởi ý định khởi nghiệp mạnh mẽ và bền vững, không phải là ý tưởng kinh doanh ngắn hạn (Bozward & ctg., 2023). Theo quan điểm của Stevenson và Jarillo (2007), tìm hiểu về khởi nghiệp bao gồm ba giai đoạn, cụ thể: i) tại sao cá nhân khởi nghiệp, ii) họ khởi nghiệp như thế nào, và iii) kết quả của khởi nghiệp ra sao. Trong khi đó, ý định khởi nghiệp là biểu hiện rõ nhất để trả lời tại sao cá nhân khởi nghiệp, là một trong các tiền đề cốt lõi để xây dựng quá trình khởi nghiệp phía sau (Pham, Lam, & Le, 2023). Cùng có ý định khởi nghiệp chính là cơ sở căn bản để tiến hành thúc đẩy các chiến lược quốc gia (Nguyen & ctg., 2024). Nhận thức được vai trò của ý định khởi nghiệp trong việc ổn định thị trường khởi nghiệp, hàng loạt các nghiên cứu đã được thực hiện nhằm xác định và đo lường cách mà ý định khởi nghiệp được hình thành (Karan, Singh, & Rana, 2023; Loi, Castriotta, Barbosa, Di Guardo, & Fayolle, 2023; Martins, Shahzad, & Xu, 2023; Mehraj & ctg., 2023).

Hệ thống lý thuyết nghiên cứu về ý định khởi nghiệp đang dần mở ra xu hướng nghiên cứu tập trung vào khởi nghiệp của sinh viên đại học (Lyu, Shepherd, & Lee, 2023). Ngoài khả năng tiếp cận nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp lớn hơn các nhóm đối tượng khác (Mitra, Sharma, & Purohit, 2023), sinh viên còn sở hữu lợi thế khi họ không bị ràng buộc quá nhiều bởi gánh nặng kinh tế hay vai trò xã hội (Pugatch & Schroeder, 2024). Trạng thái này khiến họ có thể thoải mái hơn trong việc đối mặt với rủi ro trong khởi nghiệp. Đồng thời, với kiến thức khởi nghiệp được đào tạo bài bản thông qua các chương trình giáo dục khởi nghiệp tại trường đại học, nhận thức và

ý định khởi nghiệp của sinh viên có khả năng chuyển hóa thành hành vi khởi nghiệp hiệu quả hơn (Ripollés & Blesa, 2023). Ngoài ra, ý định khởi nghiệp của đối tượng này (18 - 24 tuổi) cũng giúp duy trì hành vi khởi nghiệp tốt hơn so với nhóm đối tượng 25 - 35 tuổi (Lai & To, 2020). Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều nghiên cứu tại Việt Nam về ý định khởi nghiệp của sinh viên và cách thức thúc đẩy ý định khởi nghiệp (Hoang, Le, Tran, & Du, 2020; Maheshwari, 2021; Nguyen, Do, Vu, Dang, & Nguyen, 2019). Theo Phạm và cộng sự (2023), nghiên cứu tại các trường ở Việt Nam cho thấy mối liên hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp một phần được điều hòa thông qua năng lực bản thân của doanh nhân. Kết quả của các nghiên cứu này đều cho thấy, sự quan tâm của các trường đại học Việt Nam đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tương tự, ý định khởi nghiệp và các cấu trúc nhận thức liên quan cũng nhận được sự quan tâm rất mạnh mẽ tại Việt Nam.

Các mô hình về ý định khởi nghiệp của sinh viên có thể thay đổi linh hoạt theo nhiều bối cảnh, tuy nhiên điểm chung của các mô hình đó là việc xây dựng mối quan hệ giữa yếu tố năng lực đối với ý định khởi nghiệp. Trong đó, nhận thức kiểm soát hành vi (Perceived Behavioral Control - PBC) là khái niệm do Ajzen (1991) đề xuất trong mô hình ý định hành vi có kế hoạch, và nó được áp dụng rộng rãi khi các nhà nghiên cứu đánh giá khả năng được nhận thức của một cá nhân đối với thành công trong hành vi khởi nghiệp. Nhưng, nhiều quan điểm nghiên cứu dần chứng minh rằng PBC của sinh viên trong bối cảnh khởi nghiệp đang không đúng đắn và không hiệu quả (Yarimoglu & Gunay, 2020; Yu, Khalid, & Ahmed, 2021). Sinh viên không được hoàn toàn tập trung học các kỹ năng mũi nhọn (English & Hayes, 2022). Ngược lại, họ phải phân bổ thời gian cho nhiều môn học khác (Al-Kwif, Petrovska, Parast, & Safari, 2023). Thiếu đi kỹ năng cốt lõi khiến PBC trở nên không vững chắc và khó có thể củng cố ý định khởi nghiệp (English & Hayes, 2022). Đồng thời, sinh viên ưu tiên cho việc nắm giữ càng nhiều kỹ năng liên quan thay vì chọn lọc và phát triển các kỹ năng mũi nhọn phù hợp với bản thân (Wang, Tang, & Cheng, 2021).

Vậy, để có thể củng cố ý định khởi nghiệp (EI) và tạo ra liên kết bền vững, hiệu quả giữa PBC và ý định khởi nghiệp, định hướng khởi nghiệp (EO) cần phải được xây dựng (Surjanti & Nugrohoseno, 2018). EO thể hiện các giới hạn trong đặc điểm tính cách, kế hoạch, mục tiêu của cá nhân trong bối cảnh khởi nghiệp và nó tạo ra sự nhất quán trong cách mà cá nhân thực hiện hành vi khởi nghiệp (Mwila & ctg., 2022). Sinh viên thường tồn tại những nhận thức “ảo” về bản thân (Yu & ctg., 2021). Việc không đánh giá đúng năng lực của bản thân sẽ ảnh hưởng đến ý định cũng như là định hướng sai lầm cho tương lai (Al-Kwif & ctg., 2023). Do đó, thông qua EO, cá nhân mới có thể thiết lập được mục tiêu khởi nghiệp phù hợp và biết được năng lực nào cần thiết hoặc không cần thiết đối với khởi nghiệp (Al-Kwif & ctg., 2023). Theo nghiên cứu của Soltwisch, Dimitrov, và Hojnik (2023), sinh viên với EO cao sẽ có định hướng năng lực khởi nghiệp hiệu quả hơn. Chi tiết, các nguồn lực mà cá nhân dành cho khởi nghiệp sẽ được hệ thống hóa và tập trung vào những nội dung phù hợp với định hướng (Gupta, Niranjana, Goktan, & Eriskon, 2016). Từ đó, sinh viên sẽ thấu hiểu sâu hơn cách để phát triển kỹ năng, kiến thức tương ứng và duy trì ý định khởi nghiệp lâu dài.

Dựa trên các lập luận, nghiên cứu này thực hiện khám phá vai trò trung gian của EO trong mối quan hệ giữa PBC và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Trong khi các nghiên cứu trước chỉ đề cập đến EO như một cấu trúc đơn lẻ (Bagis, 2022; Martins & Perez, 2020) và gần như không có mô hình nào tập trung vào cách mà nó ảnh hưởng đến cơ chế tác động của nhận thức về năng lực đối với ý định khởi nghiệp. Theo đó, nghiên cứu này đóng góp cho nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên theo 03 khía cạnh: 1) đóng góp về lý thuyết khi xem xét EO trong mối quan hệ giữa PBC và EI, 2) đóng góp về kỹ thuật phân tích mối quan hệ trung

gian, 3) đóng góp về việc cung cấp bằng chứng thực tiễn rằng nhận thức về ảnh hưởng giữa nhận thức năng lực thông qua lăng kính của EO nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên hiệu quả hơn.

Nghiên cứu này được cấu trúc thành năm phần. Sau khi trình bày vấn đề, mục tiêu nghiên cứu ở phần giới thiệu, phần tiếp theo sẽ thể hiện cơ sở lý thuyết, khái niệm và lập luận về các mối quan hệ giữa các khái niệm để xây dựng mô hình nghiên cứu. Phần ba sẽ trình bày phương pháp nghiên cứu. Phần bốn là kết quả và phần năm là kết luận nhằm đánh giá chung về kết quả nghiên cứu và đề xuất các hàm ý quản trị.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Ý định khởi nghiệp (EI)

Ý định là cơ sở để tiên đoán hành vi rõ ràng nhất (Farrukh, Khan, Khan, Ramzani, & Soladoye, 2017). Các hành vi của con người hầu như sẽ thể hiện gần như hoàn toàn các khía cạnh mà ý định sở hữu (Singh & Onahring, 2019). Trong khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp là công cụ hữu hiệu để dự đoán cách mà hành vi khởi nghiệp hình thành (Al-Mamary, Abdulrab, Alwaheeb, & Alshammari, 2020). Ý định khởi nghiệp là một trạng thái tinh thần mà cá nhân có ý thức về việc hoạch định và theo đuổi các mục tiêu liên quan đến quá trình thành lập và vận hành doanh nghiệp (Bian, Wu, Meng, & Tsai, 2021). Theo Dubey (2022), ý định khởi nghiệp được định nghĩa là sự sẵn sàng thực hiện các hành vi khởi nghiệp. Ý định khởi nghiệp là một phần của hành vi có kế hoạch (Lim, Lee, & Mamun, 2023) và nó là cơ sở để hành vi khởi nghiệp được hệ thống hóa. Dựa trên các quan điểm này, nghiên cứu này tiếp cận ý định khởi nghiệp là quá trình lên kế hoạch, đặt mục tiêu và sẵn sàng theo đuổi việc thành lập một doanh nghiệp mới hoặc mô hình kinh doanh mới.

2.2. Lý thuyết hành vi có kế hoạch

Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) nổi tiếng với sự linh hoạt trong cách nó giải thích ý định hành vi, và không ngoại trừ ý định khởi nghiệp. Tiền thân của TPB là thuyết hành động hợp lý (TRA) cho rằng thái độ (đánh giá của cá nhân về độ hữu ích hoặc thu hút của hành vi) và chuẩn mực chủ quan (quan điểm của cá nhân về hành vi hình thành dựa trên áp lực xã hội) tác động đến ý định. Với TPB, PBC được thêm vào để khiến cho hành vi đạt được khía cạnh “có kế hoạch”. PBC là đánh giá của cá nhân về độ khó của việc vận dụng các kỹ năng của cá nhân để có thể thực hiện một hành vi cụ thể (Li & ctg., 2023). Trong khởi nghiệp, Tseng và cộng sự (2022) cho rằng PBC sẽ thể hiện mức độ kiểm soát mà một cá nhân tự nhận thức được trong quá trình thành lập một doanh nghiệp mới.

Với mức độ phức tạp và yêu cầu tính chất dài hạn của hành vi khởi nghiệp, điều cốt lõi hiện tại là thúc đẩy năng lực nền tảng của cá nhân. Trong khi đó, thái độ là yếu tố cảm xúc ngắn hạn. Mặc dù nó sẽ khiến cá nhân bị thu hút bởi khởi nghiệp, tính chất dễ thay đổi khiến thái độ không có quá nhiều đóng góp để kéo dài ý định khởi nghiệp. Song song đó, gen Z sở hữu tính tự chủ cao (Loring & Wang, 2022), các chuẩn mực xã hội không còn ràng buộc họ quá nhiều. Ngược lại, bất kỳ doanh nhân tiềm năng hay doanh nhân khởi nghiệp đều phải phụ thuộc vào năng lực cá nhân (Pham & ctg., 2023). Đây là cấu trúc cốt lõi và quyết định phần lớn khả năng hình thành của ý định khởi nghiệp và khả năng chuyển hóa thành hành vi khởi nghiệp (Do & Nguyen, 2023). Do đó, để kích thích ý định khởi nghiệp thì thái độ và chuẩn mực chủ quan sẽ có hiệu quả, nhưng để xác định được ý định khởi nghiệp có bền vững hay không, PBC nói riêng và nhận thức năng lực nói chung là yếu tố cố định và là chỉ báo quan trọng (Otache, Edopkolor, & Kadiri, 2022). Dựa theo các lập luận, phạm vi của nghiên cứu này tập trung vào phân tích cơ chế tác động của PBC đối với ý định khởi nghiệp.

PBC liên quan đến sự đánh giá của cá nhân đối với tính khả thi của hành vi khởi nghiệp mà họ dự định thực hiện (Amofah & Saladrignes, 2022). Theo TPB, PBC càng lạc quan, ý định càng cao và khả năng chuyển hóa thành hành vi càng cao (Ajzen, 1991). Tương tự như vậy, đối với ý định khởi nghiệp, sinh viên có PBC càng cao thì khả năng hình thành ý định càng lớn (Lopes & ctg., 2023). Theo Li và cộng sự (2023), PBC là phán đoán của cá nhân dựa trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm từ quá khứ. Và nếu cá nhân càng tự tin về khả năng kiểm soát hành vi khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp càng trở nên mạnh mẽ. Các nghiên cứu trước đây của Amofah và Saladrignes (2022), Su và cộng sự (2021), Lopes và cộng sự (2023), Liñán, Jaén, và Domínguez-Quintero (2024), đã xác nhận mối quan hệ giữa PBC và ý định khởi nghiệp (EI). Theo đó, giả thuyết được đề xuất như sau:

H1: PBC tác động tích cực đến EI

2.3. Định hướng khởi nghiệp

Định hướng khởi nghiệp (EO) được định nghĩa là một quá trình nâng cao năng lực của cá nhân trong việc tiếp thu kiến thức khởi nghiệp, nâng cao nhận thức, hiểu biết và từ đó hình thành đánh giá tổng thể về khởi nghiệp (Hassan, Anwar, Saleem, Islam, & Hussain, 2021). Nó là thái độ của cá nhân thể hiện thông qua các khía cạnh bao gồm chấp nhận rủi ro, sẵn sàng đổi mới và chủ động trong việc thành lập doanh nghiệp mới (Hamdi, Indarti, Manik, & Lukito-Budi, 2022). Theo Inoubli và Gharbi (2022), EO là khuynh hướng hoặc thái độ của cá nhân đối với khởi nghiệp. Trong khi thái độ trong TPB của Ajzen (1991) chỉ đơn thuần là đánh giá của cá nhân đối với hành vi, EO bao gồm cả cách mà cá nhân định hình con đường khởi nghiệp của mình trong dài hạn. Do đó, việc áp dụng EO để kết hợp cả vai trò của thái độ và mục tiêu khởi nghiệp sẽ giúp mang lại góc nhìn bao quát hơn đối với nhận thức khởi nghiệp của cá nhân.

Như phát biểu của Hassan và cộng sự (2021), EO là tiến trình tiếp thu kiến thức, nâng cao nhận thức khởi nghiệp để đưa ra được đánh giá tổng quan đối với bức tranh khởi nghiệp của riêng cá nhân đó. Sau khi trải qua chương trình giáo dục khởi nghiệp, sinh viên được trang bị nhiều kỹ năng liên quan đến khởi nghiệp (Cho & Lee, 2018). Tuy nhiên, vì giáo dục đại chúng cần truyền tải được tối đa các kiến thức liên quan (Thomas, 2023), phổ kiến thức sinh viên tiếp thu là rất rộng, nhưng không phải tất cả đều phù hợp với bản thân (Deng & Wang, 2023). Đồng thời, vì thiếu kinh nghiệm thực tiễn, các kỹ năng không được kiểm chứng khiến cho họ có thể đánh giá sai về cấp độ năng lực hiện tại mà họ sở hữu.

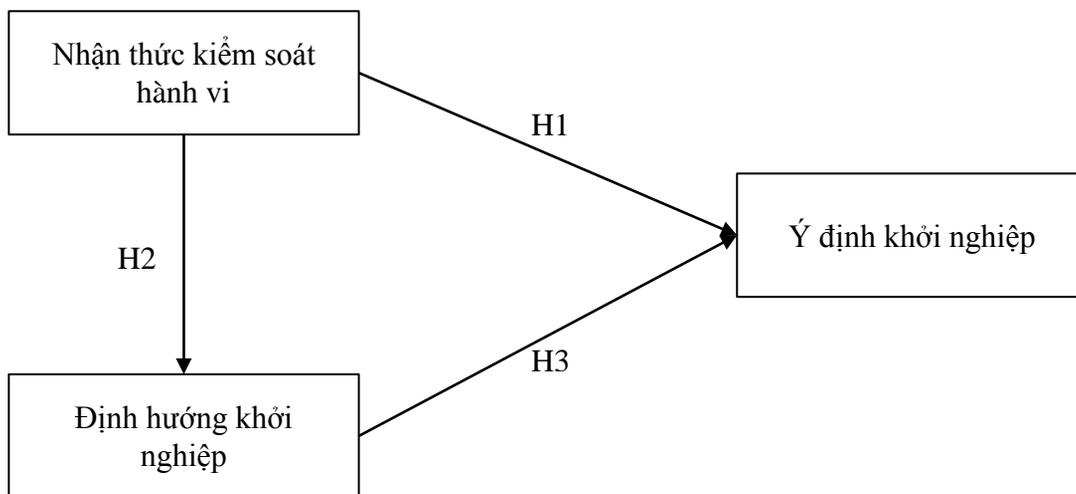
Do đó, EO sẽ đóng vai trò như bộ lọc để cá nhân có thể chọn ra các kỹ năng phù hợp với con đường khởi nghiệp trong tương lai (Wales & ctg., 2020). EO cao cũng kích thích họ tìm hiểu sâu hơn về các kỹ năng và cách họ vận dụng các kỹ năng đó vào quá trình khởi nghiệp (Perez, Martins, Mahauad, & Sarango-Lalangui, 2024). Nhận thức về kiểm soát hành vi sau khi thông qua trung gian của EO sẽ được tái cấu trúc và trở nên có hệ thống hơn. Đồng thời, đặc tính chấp nhận rủi ro trong EO cũng khiến cá nhân tự tin hơn khi đánh giá độ khả thi khi khởi nghiệp (Hamdi & ctg., 2022). TPB lập luận rất rõ ràng về ảnh hưởng của PBC đối với ý định hành vi (Ajzen, 1991). Tuy nhiên, PBC theo cách tiếp cận của TPB là nhận thức chung và tổng quát về năng lực nhưng chưa có định hướng hoặc chọn lọc (Bağış & ctg., 2023). Sự thiếu tập trung này có thể khiến sinh viên mất nhiều thời gian để chọn lọc các năng lực cốt lõi, từ đó khiến cho ý định bị suy giảm (Hassan & ctg., 2021). Tổng quát lại, EO đóng vai trò trung gian kết nối PBC và EI. Các lập luận là cơ sở để đề xuất giả thuyết như sau:

H2: EO đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa PBC và EI

EO giúp sinh viên tiếp thu được nhiều hiểu biết, nhận thức về khởi nghiệp. Các kiến thức này giúp họ hiểu rõ hơn các điều kiện cần thiết để có thể tăng mức độ thành công trong khởi

nghiệp (Ataei, Karimi, & Zarei, 2024). Sở hữu định hướng rõ ràng sẽ tạo ra động lực cho khởi nghiệp, giảm đi sự mơ hồ khi xây dựng nguồn lực khởi nghiệp (Amenah, Kusdyanti, & Wardana, 2024). Đồng thời, EO mạnh hơn cũng khiến cho mức độ chấp nhận rủi ro được nâng cao. Các khía cạnh trên thúc đẩy cá nhân hình thành ý định khởi nghiệp cao hơn. Otache và cộng sự (2022), Hassan và cộng sự (2021) đã cung cấp bằng chứng cho thấy EO có tác động tích cực đối với EI:

H3: EO tác động tích cực đến EI



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Nhóm nghiên cứu đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Các thang đo được áp dụng trong phạm vi nghiên cứu này đã được điều chỉnh từ các nghiên cứu học thuật trước đó. Thang đo “Ý định khởi nghiệp” được kế thừa từ nghiên cứu của Liñán và Chen (2009) với 05 biến quan sát, ví dụ như “Tôi luôn nghĩ mình sẽ khởi nghiệp”, “Tôi mong muốn trở thành doanh nhân trong tương lai”. Tiếp theo đó, thang đo “nhận thức kiểm soát hành vi” được xây dựng và hiệu chỉnh dựa trên thang đo của Kraft, Rise, Sutton, và Røysamb (2005) bao gồm 06 biến quan sát. Thang đo này đo lường sự đánh giá của cá nhân đối với hành vi khởi nghiệp, sự tự tin của cá nhân và cái nhìn chung về năng lực khởi nghiệp, ví dụ như “Tôi tự tin rằng tôi sẽ khởi nghiệp thành công” và “Tôi có thể kiểm soát quá trình khởi nghiệp”. Thang đo “Định hướng khởi nghiệp” được xây dựng từ nghiên cứu của Hassan và cộng sự (2021) gồm 04 quan sát. Thang đo này dùng để đo lường thể hiện khuynh hướng hành vi của cá nhân trong khởi nghiệp, ví dụ như “Khi khởi nghiệp, tôi có xu hướng lựa chọn những cách thức độc đáo của riêng mình hơn là hành động giống những người khác”. Thang đo được sử dụng là thang đo Likert với tất cả các biến quan sát được cho điểm từ 1 đến 5, tương ứng 1 là “rất không đồng ý” đến 5 là “rất đồng ý”. Phần cuối cùng bao gồm một số câu hỏi đơn giản về thông tin nhân khẩu học.

Nghiên cứu này thực hiện chiến lược chọn mẫu thuận tiện. Đối tượng khảo sát là sinh viên đại học tại Việt Nam và đã trải qua khóa học hoặc chương trình học có liên quan đến khởi nghiệp. Bảng hỏi được xây dựng trên nền tảng Google Form và khảo sát được thực hiện từ tháng 04 năm 2023 đến tháng 05 năm 2023. Bảng hỏi được gửi đến 600 sinh viên qua Email và các kênh truyền thông xã hội. Quy mô mẫu hợp lệ là 371 quan sát, trong đó, 53.9% là nữ giới (200) và 171 người tham gia là nam giới (46.1%). Tỷ lệ phản hồi của cuộc khảo sát là 61.7%, có thể do một số sinh viên không quan tâm đến nội dung khảo sát hoặc không có thời gian để hoàn thành bảng hỏi.

Sau khi thỏa mãn yêu cầu của Kusumawardani và cộng sự (2023) về cỡ mẫu tối thiểu là 200 quan sát, dữ liệu được phân tích bằng kỹ thuật bình phương nhỏ nhất từng phần - Mô hình phương trình cấu trúc (PLS-SEM), sử dụng phần mềm SmartPLS 4. Theo Hair, Risher, Sarstedt, và Ringle (2019), quy trình phân tích PLS-SEM bao gồm hai giai đoạn: đánh giá mô hình đo lường và đánh giá mô hình cấu trúc. Trước hết, nghiên cứu kiểm tra mô hình đo lường thông qua các tiêu chí: Cronbach's Alpha (CA), Độ tin cậy tổng hợp (CR), hệ số tải ngoài, phương sai trung bình trích xuất (AVE), tiêu chí tỷ lệ dị tính-đơn tính (HTMT). Tiếp đó, tác giả thực hiện kiểm tra đa cộng tuyến bằng cách sử dụng Hệ số phóng đại phương sai (VIF), đánh giá khả năng giải thích của mô hình với hệ số xác định (R^2) và kiểm định các giả thuyết.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá mô hình đo lường

Bước đầu tiên là đánh giá độ tin cậy của thang đo. Trong Bảng 1, tất cả các thang đo đều có giá trị Cronbach's Alpha (CA) và độ tin cậy tổng hợp (CR) lớn hơn 0.7 (Hair, Howard, & Nitzl, 2020), trong đó thang đo EO có giá trị Cronbach's Alpha thấp nhất là 0.712 và thang đo có độ tin cậy tổng hợp thấp nhất là thang đo EI với 0.834. Vì vậy, các thang đo được áp dụng trong nghiên cứu này đáp ứng yêu cầu về tính độ tin cậy. Bảng 1 cũng cho thấy tất cả các giá trị phương sai trung bình trích xuất (AVE) đều lớn hơn 0.5, cho thấy tính hội tụ được đảm bảo (Hair, Hollingsworth, Randolph, & Chong, 2017). Ngoài ra, tất cả các hệ số tải ngoài đều lớn hơn 0.7 (Xem Bảng 2).

Bảng 1

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo

Các biến	CA	CR	AVE
EI	0.735	0.834	0.557
EO	0.712	0.836	0.631
PBC	0.861	0.896	0.590

Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS 4

Bảng 2

Hệ số tải ngoài

Các biến quan sát	Hệ số tải ngoài	Các biến quan sát	Hệ số tải ngoài
EI1	0.734	PBC1	0.786
EI2	0.776	PBC2	0.765
EI4	0.739	PBC3	0.748
EI5	0.735	PBC4	0.814
EO1	0.852	PBC5	0.755
EO2	0.810	PBC6	0.738
EO3	0.714		

Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS 4

Cuối cùng, nghiên cứu này sử dụng ma trận tỷ lệ tương quan dị tính-đơn tính trạng (HTMT) để đánh giá tính phân biệt của thang đo. Giá trị phân biệt của các thang đo cũng được đảm bảo vì các giá trị đều nhỏ hơn 0.85, như Hair và cộng sự (2019) đề xuất (Xem Bảng 3).

Bảng 3

HTMT

Các biến	EI	IEO	PBC
EI			
EO	0.646		
PBC	0.653	0.638	

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

4.2. Đánh giá mô hình cấu trúc

Theo Hair và cộng sự (2019), nếu các giá trị VIF bằng hoặc lớn hơn 5 thì xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Kết quả Bảng 4 cho thấy các giá trị VIF đều được thỏa mãn khi giá trị lớn nhất 2.114 nhỏ hơn 5. Bên cạnh đó, mô hình có thể giải thích mối quan hệ giữa các khái niệm vì R^2 đều lớn hơn 0.1 (Raithel, Sarstedt, Scharf, & Schwaiger, 2012).

Bảng 4

Kết quả đa cộng tuyến và khả năng giải thích

Khái niệm	R^2	VIF
EI	0.334	1.394 - 1.651
EO	0.268	1.311 - 1.552
PBC		1.680 - 2.114

Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS 4

Cuối cùng, kết quả kiểm định hệ số cũng cho thấy các giả thuyết được chấp nhận ở mức ý nghĩa 95% vì các giá trị P đều nhỏ hơn 0.05 (Xem Bảng 5).

Bảng 5

Kết quả kiểm định giả thuyết

Mối quan hệ	Hệ số chuẩn hóa	P_value	Kết quả
PBC -> EI	0.370	0.000	Chấp nhận
EO -> EI	0.292	0.000	Chấp nhận
PBC -> EO -> EI	0.151	0.000	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích SmartPLS 4

4.3. Thảo luận

Kết quả Bảng 4 đã chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa các khái niệm. Theo đó, EI được chi phối tích cực bởi nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) và định hướng khởi nghiệp (EO), tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ($H1: \beta = 0.370; p = 0.000; H3: \beta = 0.292; p = 0.000$). Kết quả phù hợp với nghiên cứu trước đây của Amofah và Saladrigues (2022), Otache và cộng sự (2022), Su và cộng sự (2021), Hassan và cộng sự (2021), Lopes và cộng sự (2023), Liñán và cộng sự (2024). Kết quả này cho thấy khi PBC càng mạnh mẽ, EI của sinh viên càng được thúc đẩy. Cụ thể, khi nhận thức về năng lực càng rõ ràng, độ tự tin của cá nhân khi khởi nghiệp càng được thúc đẩy, từ đó kích thích EI. Li và cộng sự (2023) cũng đồng ý rằng PBC cao giúp cá nhân giảm bớt sự sợ hãi về rủi ro hoặc thất bại, giúp cho EI đảm bảo được tính ổn định

và bền vững. Su và cộng sự (2021) cũng phát hiện rằng sự cải thiện trong PBC là sự củng cố hiệu quả của EI.

Tiếp theo, EO cũng tác động tích cực đến EI. Amofah và Saladrigues (2022), Otache và cộng sự (2022) cũng phát hiện tương tự với kết quả này và cho biết rằng, EO giúp cho cá nhân thấu hiểu hơn cách thức và nhiệm vụ để đạt được kết quả tốt hơn trong khởi nghiệp. Kết quả này thể hiện sự nhất quán đối với các nghiên cứu trước khi chứng minh rằng EO càng mạnh thì sẽ thúc đẩy được động lực khởi nghiệp và là yếu tố quan trọng để kích thích EI (Perez & ctg., 2024). Dựa trên EO, cá nhân có cơ sở để định hướng mục tiêu phù hợp hơn với nhu cầu, sở thích và tư duy của bản thân (Amenah & ctg., 2024), từ đó khiến cho EI vững chắc hơn. Ngoài ra, sự chủ động và xu hướng đổi mới trong EO cũng giúp cá nhân nắm bắt được các cơ hội kinh doanh tốt hơn (Ataei & ctg., 2024).

Bảng 4 cũng cho thấy EO là trung gian tích cực cho mối quan hệ giữa PBC và EI. Kết quả này cung cấp bằng chứng cho thấy EO thực sự có tác dụng trong việc tái cấu trúc nhận thức của cá nhân về năng lực của bản thân trong khởi nghiệp, từ đó tạo ra độ tự tin và thúc đẩy EI. Nhưng, kết quả này khá bất ngờ khi ảnh hưởng trực tiếp của PBC đối với EI (H1) cao hơn so với mối quan hệ được trung gian bởi EO (H2). Khi chỉ dừng lại ở xu hướng số liệu, EO làm giảm ảnh hưởng của PBC với EI. Trong khi các nghiên cứu khác cho thấy, khi họ có EO rõ ràng thì họ nhận thức năng lực tốt hơn từ đó thúc đẩy ý định cao hơn (Amenah & ctg., 2024 ; Ataei & ctg., 2024). Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, nghiên cứu này phát hiện vấn đề rằng sinh viên tập trung vào nắm giữ nhiều kỹ năng khởi nghiệp mà ít có kỹ năng chuyên sâu về một khía cạnh cụ thể (Binks, Starkey, & Mahon, 2006). Đồng thời, PBC là sự tổng kết dựa trên kinh nghiệm từ quá khứ và mang tính cảm tính (Alsharqawi, Dabous, Zayed, & Hamdan, 2021), do đó họ đánh giá chưa đúng và đầy đủ về khả năng kiểm soát hành vi khởi nghiệp. Vì vậy, khi trải qua sự điều phối và tái cấu trúc của EO, sự tinh gọn các kỹ năng không cần thiết sẽ khiến cho PBC bị thay đổi và cần thêm thời gian để có thể tái định vị lại nhận thức của họ về năng lực bản thân (Amenah & ctg., 2024). Như một hệ quả, ảnh hưởng của PBC đến EI thông qua trung gian EO bị giảm so với mối quan hệ trực tiếp. Dù vậy, sự sụt giảm này không phải là tín hiệu xấu. Ngược lại, nó chứng minh rằng sinh viên đã có sự chủ động trong điều chỉnh nhận thức cá nhân (Perez & ctg., 2024). Đây là tín hiệu tốt cho việc xây dựng và củng cố EI nói riêng và hành vi khởi nghiệp nói chung.

Nghiên cứu này đóng góp vào hệ thống lý thuyết về ý định khởi nghiệp hiện tại thông qua hai khía cạnh. Thứ nhất, nghiên cứu này đã khắc phục hạn chế của TPB trong mối quan hệ giữa năng lực và ý định khởi nghiệp (Wang & ctg., 2023). Cụ thể, thông qua EO, PBC không đơn thuần là sự cảm nhận về năng lực mà còn là nhận thức có chọn lọc đối với năng lực bản thân (Ataei & ctg., 2024). Thứ hai, mối quan hệ trung gian cũng dẫn đến phát hiện kết quả độc đáo về cách tiếp cận đối với PBC và EI khi EO tạm thời tái cấu trúc và làm yếu đi ảnh hưởng của PBC và EI. Kết quả này mang đến hiểu biết sâu hơn về cách mà sinh viên chủ động phát triển tư duy và củng cố sự hiểu biết về khởi nghiệp, từ đó kiểm soát tốt hơn hành vi khởi nghiệp.

Song song với các đóng góp về mặt lý thuyết, các kết quả nghiên cứu này đóng góp về mặt thực tiễn đối với các nhà giáo dục, nhà làm chính sách trong việc thúc đẩy EI thông qua các hàm ý quản trị. Cụ thể, PBC cần được củng cố và tái định hình để sinh viên có được nhận thức đúng đắn hơn. Theo đó, các nhà làm chính sách, các trường đại học cần thiết có các chiến lược đào tạo và trang bị kỹ năng khởi nghiệp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành (Doan & Phan, 2020). Hệ quả của sự kết hợp này là việc sinh viên có thể học tập đầy đủ về mặt lý thuyết, đồng thời có thể thực hành kiểm chứng năng lực của mình, từ đó đưa ra đánh giá đầy đủ và sát với thực tế hơn (Pham & ctg., 2023). Chương trình đào tạo cũng phải thường xuyên được cập nhật

để đảm bảo tính đổi mới và phù hợp với các biến động của thị trường (Zhang, Li, Zeng, Zhang, & Lu, 2022). Dựa vào đó, sinh viên có thể thường xuyên được tiếp thu các kiến thức và kỹ năng linh hoạt hơn.

Tiếp theo, chương trình giáo dục cần phải cân bằng giữa nội dung truyền tải đại chúng và nội dung liên quan đến cá nhân hóa. Vì EO là nhận thức và trải nghiệm chuyên biệt của từng cá nhân, trường đại học cần hướng dẫn sinh viên cách thức để xây dựng EO (Hassan & ctg., 2021), cụ thể như làm thế nào để xác định được mục tiêu kỳ vọng, cách để khám phá bản thân và môi trường khởi nghiệp, hoặc các kỹ năng như lập kế hoạch, làm việc nhóm, ... Đặc biệt, sinh viên trong quá trình xây dựng EO cần được tư vấn về cách thức gạt lọc thông tin trong bối cảnh Internet bùng nổ như hiện tại. Sự gạt lọc thông tin từ ban đầu sẽ giúp cho EO được tạo nên tăng tốt hơn, từ đó củng cố mối quan hệ giữa PBC và EI hiệu quả hơn.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã kiểm định thành công ảnh hưởng của PBC đối với EI thông qua vai trò trung gian của EO bằng cách áp dụng kỹ thuật PLS-SEM, một kỹ thuật phân tích thống kê thế hệ thứ hai, tích hợp đồng thời cả hai mô hình đo lường và mô hình cấu trúc trong mô hình nghiên cứu. Cách tiếp cận mới này bổ sung vào hệ thống lý thuyết ý định hành vi khởi nghiệp và khẳng định tính chất quan trọng của EO trong việc củng cố nhận thức cá nhân về năng lực bản thân (Hamdi & ctg., 2022).

Bên cạnh các đóng góp về lý thuyết cũng như một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy cải thiện PBC và EO, nghiên cứu còn gặp phải một số hạn chế. Nghiên cứu chưa kết hợp đồng thời yếu tố nhận thức nội sinh và yếu tố bên ngoài để có thể giải thích đồng thời nhiều khía cạnh khi đo lường ý định khởi nghiệp theo đề xuất của Phạm và cộng sự (2023). Ngoài ra, nghiên cứu áp dụng chiến lược chọn mẫu thuận tiện. Do đó, nghiên cứu cũng chưa thể hiện được tính khái quát của kết quả nghiên cứu. Cuối cùng, nghiên cứu này chỉ tập trung vào cấu trúc tâm lý nội sinh mà chưa có khám phá ảnh hưởng của môi trường bên ngoài đến quá trình ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp.

Vì vậy, các nghiên cứu sau này có thể mở rộng thêm, nghiên cứu các yếu tố như môi trường kinh doanh hoặc ảnh hưởng của trường đại học đối EO và EI của sinh viên. Thứ hai, vì PBC và EO là thể hiện rất rõ đặc tính cá nhân, do đó việc kiểm định nhóm nhân khẩu học là một trong các cơ sở khoa học để có thể nhận diện nhanh nhất sự khác biệt của các dạng PBC và EO, từ đó có thể xây dựng nhận thức sát sao hơn về cách mà PBC được hình thành. Cuối cùng, việc áp dụng chiến lược chọn mẫu xác xuất sẽ giúp cho kết quả nghiên cứu mang tính đại diện, phục vụ tốt cho các nhà quản trị và nhà làm chính sách trong chiến lược thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Aggarwal, A., & Shrivastava, U. (2021). Entrepreneurship as a career choice: Impact of environments on high school students' intentions. *Education+ Training*, 63(7/8), 1073-1091. doi:10.1108/ET-07-2020-0206
- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. doi:10.1016/0749-5978(91)90020-T
- Al-Kwafi, O. S., Petrovska, I., Parast, M., & Safari, A. (2023). Individual entrepreneurial orientation, self-efficacy, and managerial skills for project performance: An integrated structural approach and analysis. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 15(6), 1634-1657. doi:10.1108/JEEE-09-2021-0355

- Al-Mamary, Y. H. S., Abdulrab, M., Alwaheeb, M. A., & Alshammari, N. G. M. (2020). Factors impacting entrepreneurial intentions among university students in Saudi Arabia: Testing an integrated model of TPB and EO. *Education+Training*, 62(7/8), 779-803. doi:10.1108/ET-04-2020-0096
- Alsharqawi, M., Dabous, S. A., Zayed, T., & Hamdan, S. (2021). Budget optimization of concrete bridge decks under performance-based contract settings. *Journal of Construction Engineering and Management*, 147(6), 1-13. doi:10.1061/(ASCE)CO.1943-7862.000204
- Amenah, A., Kusdyanti, H., & Wardana, L. W. (2024). The influence of entrepreneurship education and entrepreneurial orientation on entrepreneurial intention through locus of control in public high school students in Mojokerto district. *Journal of Applied Business, Taxation and Economics Research*, 3(3), 256-270. doi:10.54408/jabter.v3i3.265
- Amofah, K., & Saladrignes, R. (2022). Impact of attitude towards entrepreneurship education and role models on entrepreneurial intention. *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 11(1), 1-30. doi:10.1186/s13731-022-00197-5
- Ataei, P., Karimi, H., & Zarei, R. (2024). The role of entrepreneurial leadership, intellectual capital, innovativeness culture, and entrepreneurial orientation in entrepreneurial opportunity recognition by students. *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, 10(2), 1-10. doi:10.1016/j.joitmc.2024.100265
- Bagis, A. A. (2022). Building students' entrepreneurial orientation through entrepreneurial intention and workplace spirituality. *Heliyon*, 8(11), 1-9. doi:10.1016/j.heliyon.2022.e11310
- Bağış, M., Kryeziu, L., Kurutkan, M. N., Krasniqi, B. A., Hernik, J., Karagüzel, E. S., ... Ateş, Ç. (2023). Youth entrepreneurial intentions: A cross-cultural comparison. *Journal of Enterprising Communities: People and Places in the Global Economy*, 17(4), 769-792. doi:10.1108/JEC-01-2022-0005
- Bian, F., Wu, C. H., Meng, L., & Tsai, S. B. (2021). A study on the relationship between entrepreneurship education and entrepreneurial intention. *International Journal of Technology, Policy and Management*, 21(1), 1-19. doi:10.1504/IJTPM.2021.114306
- Binks, M., Starkey, K., & Mahon, C. L. (2006). Entrepreneurship education and the business school. *Technology Analysis & Strategic Management*, 18(1), 1-18. doi:10.1080/09537320500520411
- Bozward, D., Rogers-Draycott, M., Angba, C., Zhang, C., Ma, H., An, F., ... Beaumont, E. (2023). How can entrepreneurial interventions in a university context impact the entrepreneurial intention of their students? *Entrepreneurship Education*, 6(1), 1-23. doi:10.1007/s41959-022-00083-x
- Cho, Y. H., & Lee, J. H. (2018). Entrepreneurial orientation, entrepreneurial education and performance. *Asia Pacific Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 12(2), 124-134. doi:10.1108/APJIE-05-2018-0028
- Deng, W., & Wang, J. (2023). The effect of entrepreneurship education on the entrepreneurial intention of different college students: Gender, household registration, school type, and poverty status. *PloS One*, 18(7), 1-31. doi:10.1371/journal.pone.0288825
- Do, Q. N., & Nguyen, H. T. (2023). Entrepreneurship education and entrepreneurial intention: The mediating role of entrepreneurial capacity. *The International Journal of Management Education*, 21(1), 1-10. doi:10.1016/j.ij-me.2022.100730

- Doan, T. X., & Phan, H. T. T. (2020). The impact of entrepreneurial education on entrepreneurial intention: The case of Vietnamese. *Management Science Letters*, 10(8), 1787-1796. doi:10.5267/j.msl.2019.12.040
- Dubey, P. (2022). The effect of entrepreneurial characteristics on attitude and intention: an empirical study among technical undergraduates. *Journal of Business and Socio-economic Development*, 4(3), 272-289. doi:10.1108/JBSED-09-2021-0117
- English, R., & Hayes, A. (2022). Towards integrated graduate skills for UK computing science students. In *Proceedings of the 2022 Conference on United Kingdom & Ireland Computing Education Research* (pp. 01-07). doi:10.1145/3555009.3-555018
- Ephrem, A. N., & Murimbika, M. (2023). I wish I had a paid job or a business: a moderated effect of entrepreneurial potential on career choice regret. *Career Development International*, 28(5), 518-535. doi:10.1108/CDI-09-2022-0249
- Faria, J. R., Ogura, L., Prado, M., & Boudreaux, C. J. (2023). Government investments and entrepreneurship. *Small Business Economics*, 61(4), 1657-1670. doi:10.1007/s11187-023-00743-9
- Farrukh, M., Khan, A. A., Khan, M. S., Ramzani, S. R., & Soladoye, B. S. A. (2017). Entrepreneurial intentions: The role of family factors, personality traits and self-efficacy. *World Journal of Entrepreneurship, Management and Sustainable Development*, 13(4), 303-317. doi:10.1108/WJEMSD-03-2017-0018
- General Statistics Office of Vietnam (GSO). (2024). *Bức tranh về tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2023 và dự báo xu hướng doanh nghiệp trong năm 2024 [A picture of the business registration situation in 2023 and forecast of business trends in 2024]*. Truy cập ngày 10/10/2023 tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/buc-tranh-ve-tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-nam-2023-va-du-bao-xu-huong-doanh-nghiep-trong-nam-2024/>
- Gupta, V. K., Niranjana, S., Goktan, B. A., & Eriskon, J. (2016). Individual entrepreneurial orientation role in shaping reactions to new technologies. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 12, 935-961. doi:10.1007/s11365-015-0373-4
- Hair, J. F., Howard, M. C., & Nitzl, C. (2020). Assessing measurement model quality in PLS-SEM using confirmatory composite analysis. *Journal of Business Research*, 109, 101-110. doi:10.1016/j.jbusres.2019.11.069
- Hair, J. F., Risher, J. J., Sarstedt, M., & Ringle, C. M. (2019). When to use and how to report the results of PLS-SEM. *European Business Review*, 31(1), 2-24. doi:10.1108/EBR-11-2018-0203
- Hair, J., Hollingsworth, C. L., Randolph, A. B., & Chong, A. Y. L. (2017). An updated and expanded assessment of PLS-SEM in information systems research. *Industrial Management & Data Systems*, 117(3), 442-458. doi:10.1108/IMDS-04-2016-0130
- Hamdi, M., Indarti, N., Manik, H. F. G. G., & Lukito-Budi, A. S. (2022). Monkey see, monkey do? Examining the effect of entrepreneurial orientation and knowledge sharing on new venture creation for Gen Y and Gen Z. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 15(4), 786-807. doi:10.1108/JEEE-08-2021-0302
- Hassan, A., Anwar, I., Saleem, I., Islam, K. B., & Hussain, S. A. (2021). Individual entrepreneurial orientation, entrepreneurship education and entrepreneurial intention: The mediating role of entrepreneurial motivations. *Industry and Higher Education*, 35(4), 403-418. doi:10.1177/09504222211007051

- Hoang, G., Le, T. T. T., Tran, A. K. T., & Du, T. (2020). Entrepreneurship education and entrepreneurial intentions of university students in Vietnam: The mediating roles of self-efficacy and learning orientation. *Education+Training*, 63(1), 115-133. doi:10.1108/ET-05-2020-0142
- Inoubli, C. E., & Gharbi, L. (2022). Entrepreneurial orientation and its crucial role in entrepreneurial intention and behaviour: Case of Tunisian students. *Entrepreneurship Education*, 5(1), 97-121. doi:10.1007/s41959-022-00069-9
- Karan, A., Singh, M., & Rana, N. P. (2023). Does entrepreneurial motivation influence entrepreneurial intention? Exploring the moderating role of perceived supportive institutional environment on Indian university students. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 20(1), 1-15. doi:10.1007/s-11365-023-00899-6
- Kraft, P., Rise, J., Sutton, S., & Røysamb, E. (2005). Perceived difficulty in the theory of planned behaviour: Perceived behavioural control or affective attitude? *British Journal of Social Psychology*, 44(3), 479-496. doi:10.1348/01446660-4X17533
- Kusumawardani, D., Rahmawati, Y., Cahyadi, M. N., Rusli, M., & Martina, A. (2023). An analysis of the socio-economic impacts of the 2021 mountain Semeru Eruption on household level using PLS-SEM. *Letters in Spatial and Resource Sciences*, 16(1), 30-53. doi:10.1007/s12076-023-00351-x
- Lai, L. S. L., & To, W. M. (2020). E-entrepreneurial intention among young Chinese adults. *Asian Journal of Technology Innovation*, 28(1), 119-137. doi:10.1080/19761597.2020.1713832
- Li, X., Dai, J., Zhu, X., Li, J., He, J., Huang, Y., ... Shen, Q. (2023). Mechanism of attitude, subjective norms, and perceived behavioral control influence the green development behavior of construction enterprises. *Humanities and Social Sciences Communications*, 10(1), 1-13. doi:10.1057/s41599-023-01724-9
- Lim, W., Lee, Y., & Mamun, A. A. (2023). Delineating competency and opportunity recognition in the entrepreneurial intention analysis framework. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 15(1), 212-232. doi:10.1-108/JEEE-02-2021-0080
- Liñán, F., & Chen, Y. (2009). Development and cross-cultural application of a specific instrument to measure entrepreneurial intentions. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 33(3), 593-617. doi:10.1111/j.1540-6520.2009.00318.x
- Liñán, F., Jaén, I., & Domínguez-Quintero, A. M. (2024). An action phase theory approach to the configuration of entrepreneurial goal and implementation intentions. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 30(11), 64-90. doi:10.1108/IJEER-07-2023-0772
- Loi, M., Castriotta, M., Barbosa, S. D., Di Guardo, M. C., & Fayolle, A. (2023). Entrepreneurial intention studies: A hybrid bibliometric method to identify new directions for theory and research. *European Management Review*, 1-24. doi:10.1111/emre.12599
- Lopes, J. M., Laurett, R., Ferreira, J. J., Silveira, P., Oliveira, J., & Farinha, L. (2023). Modeling the predictors of students' entrepreneurial intentions: The case of a peripheral European region. *Industry and Higher Education*, 37(2), 208-221. doi:10.1177/09504222221117055
- Loring, A., & Wang, J. (2022). Engaging Gen Z in professional selling: A systematic literature review. *European Journal of Training and Development*, 46(5/6), 413-433. doi:10.1108/EJTD-07-2020-0120

- Lyu, J., Shepherd, D., & Lee, K. (2023). From intentional to nascent student entrepreneurs: The moderating role of university entrepreneurial offerings. *Journal of Innovation & Knowledge*, 8(1), 1-18. doi:10.1016/j.ji-k.2023.100305
- Maheshwari, G. (2021). Factors influencing entrepreneurial intentions the most for university students in Vietnam: Educational support, personality traits or TPB components? *Education+ Training*, 63(7/8), 1138-1153. doi:10.1108-8/ET-02-2021-0074
- Martins, I., & Perez, J. P. (2020). Testing mediating effects of individual entrepreneurial orientation on the relation between close environmental factors and entrepreneurial intention. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 26(4), 771-791. doi:10.1108/IJEER-08-2019-0505
- Martins, J. M., Shahzad, M. F., & Xu, S. (2023). Factors influencing entrepreneurial intention to initiate new ventures: Evidence from university students. *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 12(1), 63-90. doi:10.1186/s13731-023-00333-9
- Mehraj, D., Ul Islam, M. I., Qureshi, I. H., Basheer, S., Baba, M. M., Nissa, V. U., & Shah, M. A. (2023). Factors affecting entrepreneurial intention for sustainable tourism among the students of higher education institutions. *Cogent Business & Management*, 10(3), 1-17. doi:10.1080/23311975.2023.2256484
- Messono, O. O., & Asongu, S. (2023). Historical prevalence of infectious diseases and entrepreneurship: Evidence from 125 countries. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, Vol. ahead-of-print No. ahead-of-print. doi:10.1108/JEEE-06-2023-0222
- Mitra, R., Sharma, M., & Purohit, R. (2023). Role of entrepreneurship education program triggers and perceived social support in student's entrepreneurship intention formation. *NMIMS Management Review*, 31(2), 109-119. doi:10.1177/09711023231197711
- Mwila, K., Lufungulo, E. S., Masaiti, G., Siampule, M., Namuchana, M., Chinemerem, O. G., & Mugala, A. (2022). Spinning off an entrepreneurship and investment culture among Zambian University students: Prospects and impediments. *Open Journal of Business and Management*, 10(4), 1768-1783. doi:10.4236/ojbm.2022.104091
- Nguyen, H. T., Lam, B. Q., & Nguyen, Q. L. H. T. T. (2024). Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh [Exploring the factors affecting the start-up intention of university students in Ho Chi Minh City]. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh-Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, 19(2), 72-85. doi:10.46223/HCM-COUJ-S.econ.vi.19.2.2558.2024
- Nguyen, T. A., Do, H. T. H., Vu, T. T. B., Dang, A. K., & Nguyen, L. H. (2019). Factors affecting entrepreneurial intentions among youths in Vietnam. *Children and Youth Services Review*, 99(C), 186-193. doi:10.1016/j.chilyouth.2019.01.039
- Otache, I., Edopkolor, J. E., & Kadiri, U. (2022). A serial mediation model of the relationship between entrepreneurial education, orientation, motivation and intentions. *The International Journal of Management Education*, 20(2), 1-12. doi:10.1016/j.ijme.2022.100645
- Perez, J. P., Martins, I., Mahauad, M. D., & Sarango-Lalangui, P. O. (2024). A bridge between entrepreneurship education, program inspiration, and entrepreneurial intention: the role of individual entrepreneurial orientation. Evidence from Latin American emerging economies. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 16(2), 288-310. doi:10.1108/JEEE-04-2021-0137

- Pham, M., Lam, B. Q., & Le, V. T. P. (2023). The e-entrepreneurial intention of students: The role of self-efficacy and education. *Entrepreneurial Business & Economics Review*, 11(1), 127-143. doi:10.15678/EBER.2023.110107
- Pugatch, T., & Schroeder, E. (2024). A simple nudge increases socioeconomic diversity in undergraduate Economics. *Economic Inquiry*, 62(1), 287-307. doi:10.1111/ecin.13172
- Raithel, S., Sarstedt, M., Scharf, S., & Schwaiger, M. (2012). On the value relevance of customer satisfaction. Multiple drivers and multiple markets. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 40(4), 509-525. doi:10.1007/s11747-011-0247-4
- Ripollés, M., & Blesa, A. (2023). Moderators of the effect of entrepreneurship education on entrepreneurial action. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 29(7), 1402-1426. doi:10.1108/IJEER-06-2022-0518
- Shetty, K., Fitzsimmons, J. R., & Anand, A. (2023). Entrepreneurship as a career choice for Emirati women: A social cognitive perspective. *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 30(1), 58-77. doi:10.1108/JSBED-10-2021-0397
- Singh, K. D., & Onahring, B. D. (2019). Entrepreneurial intention, job satisfaction and organisation commitment-construct of a research model through literature review. *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 9(16), 1-18. doi:10.1186/s40497-018-0134-2
- Soltwisch, B. W., Dimitrov, D., & Hojnik, J. (2023). How decision-styles and cultural orientation influence entrepreneurial and social entrepreneurial intentions: A cross-cultural comparison. *Frontiers in Psychology*, 13, 1-19. doi:10.3389/fpsyg.2022.988815
- Stevenson, H. H., & Jarillo, J. C. (2007). A paradigm of entrepreneurship: Entrepreneurial management. In *Entrepreneurship: Concepts, theory and perspective* (pp. 155-170). Singapore: Springer.
- Su, Y., Zhu, Z., Chen, J., Jin, Y., Wang, T., Lin, C. L., & Xu, D. (2021). Factors influencing entrepreneurial intention of university students in China: Integrating the perceived university support and theory of planned behavior. *Sustainability*, 13(8), 1-17. doi:10.3390/su13084519
- Surjanti, J., & Nugrohoseno, D. (2018). Antecedents Individual Entrepreneurial Orientation (IEO): Problem Based Learning (PBL). *Journal of Business and Retail Management Research*, 13(2), 129-134. doi:10.24052/JBRMR/V13I-S02/ART-12
- Thomas, O. (2023). Entrepreneurship education: Which educational elements influence entrepreneurial intention? *Industry and Higher Education*, 37(3), 328-344. doi:10.1177/09504222221121065
- Tran, L. T. H., & Nguyen, H. D. (2022). The impact of young employees' perceptions of current paid jobs on the entrepreneurial intention with the mediator of job satisfaction: The case of Vietnam. *Entrepreneurial Business and Economics Review*, 10(4), 55-71. doi:10.15678/EBER.2022.100404
- Tseng, T. H., Wang, Y. M., Lin, H. H., Lin, S. J., Wang, Y. S., & Tsai, T. H. (2022). Relationships between locus of control, theory of planned behavior, and cyber entrepreneurial intention: The moderating role of cyber entrepreneurship education. *The International Journal of Management Education*, 20(3), 1-15. doi:10.1016/j.ijme.2022.100682

- Wales, W. J., Covin, J. G., & Mosen, E. (2020). Entrepreneurial orientation: The necessity of a multilevel conceptualization. *Strategic Entrepreneurship Journal*, 14(4), 639-660. doi:10.1002/sej.1344
- Wang, X. H., You, X., Wang, H. P., Wang, B., Lai, W. Y., & Su, N. (2023). The effect of entrepreneurship education on entrepreneurial intention: Mediation of entrepreneurial self-efficacy and moderating model of psychological capital. *Sustainability*, 15(3), 1-20. doi:10.3390/su15032562
- Wang, Z., Tang, R., & Cheng, X. (2021). The impact of young entrepreneurs' network entrepreneurship education and management system innovation on students' entrepreneurial psychology. *Frontiers in Psychology*, 12, 1-9. doi:10.3389/fpsyg.2021.731317
- Yarimoglu, E., & Gunay, T. (2020). The extended theory of planned behavior in Turkish customers' intentions to visit green hotels. *Business Strategy and the Environment*, 29(3), 1097-1108. doi:10.1002/bse.2419
- Yu, T., Khalid, N., & Ahmed, U. (2021). Factors influencing entrepreneurial intention among foreigners in Kazakhstan. *Sustainability*, 13(13), 1-33. doi:10.3390/su13137066
- Zhang, W., Li, Y., Zeng, Q., Zhang, M., & Lu, X. (2022). Relationship between entrepreneurship education and entrepreneurial intention among college students: A meta-analysis. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(19), 1-12. doi:10.3390/ijerph191912158

